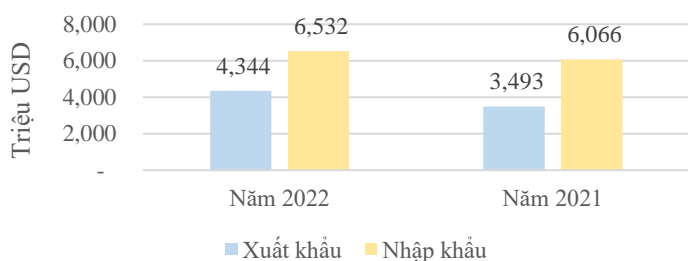


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

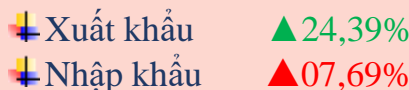
Thị trường ASEAN



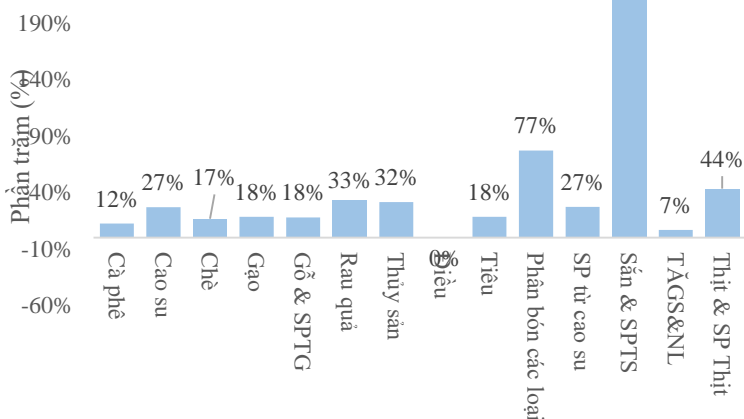
Xuất khẩu và nhập khẩu NLTS Việt Nam - ASEAN



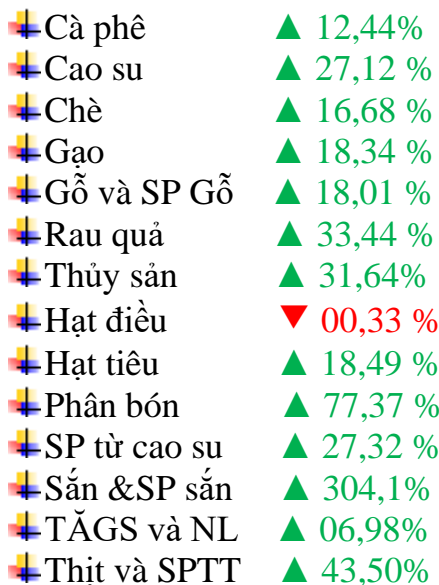
So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam – ASEAN (11T/ 2022 – 11T/ 2021)



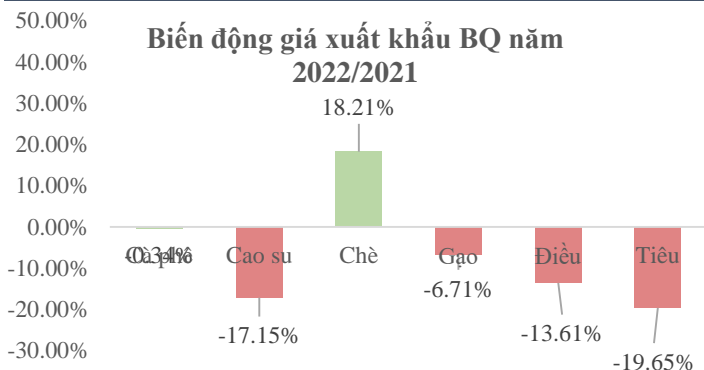
Biến động Kim ngạch xuất khẩu NLTS chính của Việt Nam sang ASEAN năm 2022/21



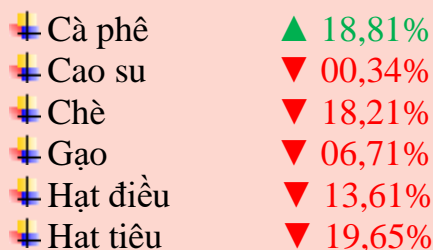
So sánh 11T-2022/ 2021



Biến động giá xuất khẩu BQ năm 2022/2021



So sánh giá xuất khẩu BQ T11-2022/2021



TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

11 tháng đầu năm, xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) của Việt Nam sang thị trường ASEAN chiếm 17,51% tổng xuất khẩu NLTS của Việt Nam. Giá trị xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang các nước ASEAN đạt gần 4,3 tỷ USD, tăng 24,39% so với cùng kỳ năm 2021, trong khi nhập khẩu đạt 6,53 tỷ USD, tăng 7,69% so với cùng kỳ năm trước. Tính riêng tháng 11/2022, kim ngạch xuất khẩu NLTS đạt 350,25 triệu USD, giảm 10,69% so với tháng trước và giảm 6,94% so với cùng kỳ năm 2021.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang ASEAN trong tháng 11/2022 là gạo (chiếm 41%), thủy sản (chiếm 17%), cà phê (chiếm 9%); gỗ và sản phẩm từ gỗ (chiếm 7%); rau quả (chiếm 6%). So với tháng 11/2021, có 4/13 mặt hàng NLTS có kim ngạch xuất khẩu tăng, cao nhất là sắn và các sản phẩm từ sắn (tăng 268,57%), cà phê (tăng 53,32%); chè (tăng 30,88%); gạo (tăng 14,70%)... 9/13 mặt hàng có xu hướng giảm, giảm mạnh nhất là thức ăn gia súc và nguyên liệu (giảm 46,51%); cao su (giảm 44,69%); phân bón các loại (giảm 34,86%)...*Chi tiết tại phụ lục đính kèm).*

Mức thuế nhập khẩu gạo ở mức 35% mà Chính phủ Philipin đưa ra trước đây dự kiến sẽ hết hạn vào cuối năm 2022. Tuy nhiên với việc Philippines đang đối mặt với lạm phát cao nhất trong vòng 14 năm qua, Chính phủ nước này đã quyết định kéo dài thời gian áp dụng mức thuế này đến hết ngày 31-12-2023. Thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm ngô và thịt heo sẽ giữ nguyên ở mức 5 - 15% và 15 - 25%. Thuế nhập khẩu than đá, nhiên liệu chính trong sản xuất điện, sẽ tạm thời duy trì ở mức 0% đến cuối năm tới nhưng có thể được điều chỉnh tùy theo tình hình thực tế.

Philippines đã cho phép trái cây có múi của Ai Cập tiếp cận thị trường Philippines sau hai năm đàm phán. Ai Cập dự kiến sẽ xuất khẩu các loại trái cây và rau quả khác như khoai tây và nho sang Philippines và hoan nghênh nhập khẩu cây nông nghiệp của Philippines.

Sản lượng rau của Philippines (trừ khoai tây) đã tăng trong quý 3/2022 mặc dù diện tích gieo trồng giảm. Sản lượng cà chua tăng trưởng cao nhất với mức 6,1% lên 29.652,30 tấn; cà tím tăng 2,3% lên 38.630,62 tấn; khoai lang tăng 2,2% lên 138.678,02 tấn; hành tây tăng 1,7% lên 23,3 tấn, v.v.

Theo báo cáo của Far Eastern Agricultural, ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) đã phê duyệt khoản vay 93 triệu USD để tăng cường nuôi tôm của các hộ sản xuất nhỏ tại 7 khu vực ở Indonesia.. Khoảng 5.200 hộ nông dân nuôi tôm cỡ nhỏ, trong đó có hơn 1.000 nông dân nữ, sẽ được hưởng lợi từ cơ sở hạ tầng và cải thiện năng lực. Khoảng 35.000 nông dân nhỏ - trong đó có khoảng 7.000 phụ nữ - sẽ được hưởng lợi từ việc tăng khả năng tiếp cận các đầu vào có chất lượng và các chương trình xây dựng năng lực về nuôi trồng thủy sản bền vững và thích ứng với khí hậu.

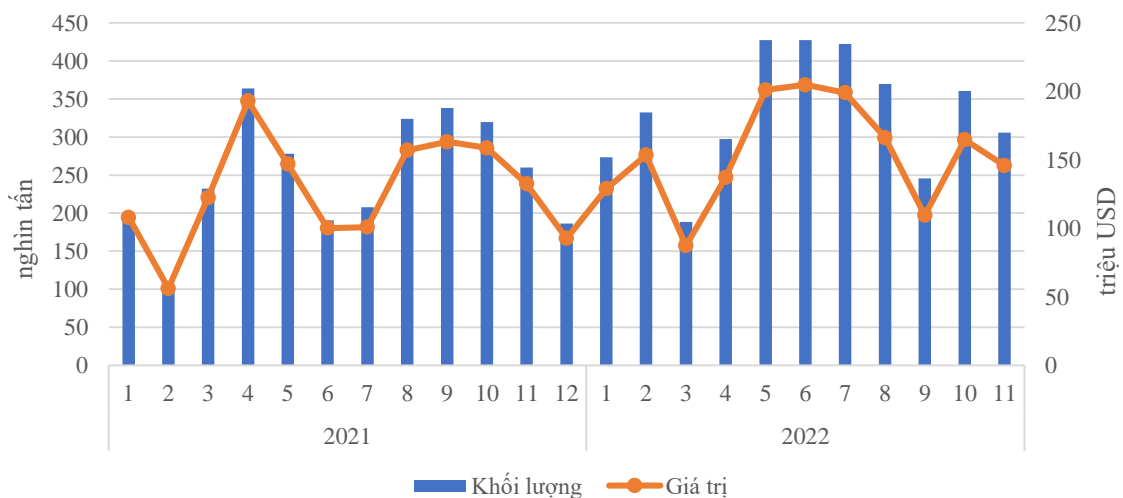
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Campuchia: Campuchia thông báo về việc nước này đã chính thức thắng kiện Ủy ban châu Âu (EC) trong việc EC đưa ra quyết định áp thuế tự vệ đối với gạo nhập khẩu từ Campuchia trong vòng 3 năm 2019-2021. Cụ thể là 175 Euro/tấn trong năm đầu tiên, 150/Euro tấn vào năm 2020 và 125 Euro/tấn vào năm 2021. Mặc dù quyết định này đã hết hiệu lực trong năm 2022 khi mức thuế tự vệ trở về 0, nhưng việc chiến thắng trước EU dự báo sẽ giúp cải thiện danh tiếng của gạo Campuchia, qua đó thu hút thêm nhiều nhà nhập khẩu từ các quốc gia khác.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 11/2022, Việt Nam xuất khẩu được 305,8 nghìn tấn gạo, trị giá 145,9 triệu USD sang thị trường ASEAN, giảm 15,2% về khối lượng và 11,4% về giá trị so với tháng trước; nhưng tăng 17,6% về khối lượng và 10,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 11 tháng đầu năm 2022 đạt gần 3,7 triệu tấn, trị giá 1,7 tỷ USD, tăng 29,5% về khối lượng và 18,0% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

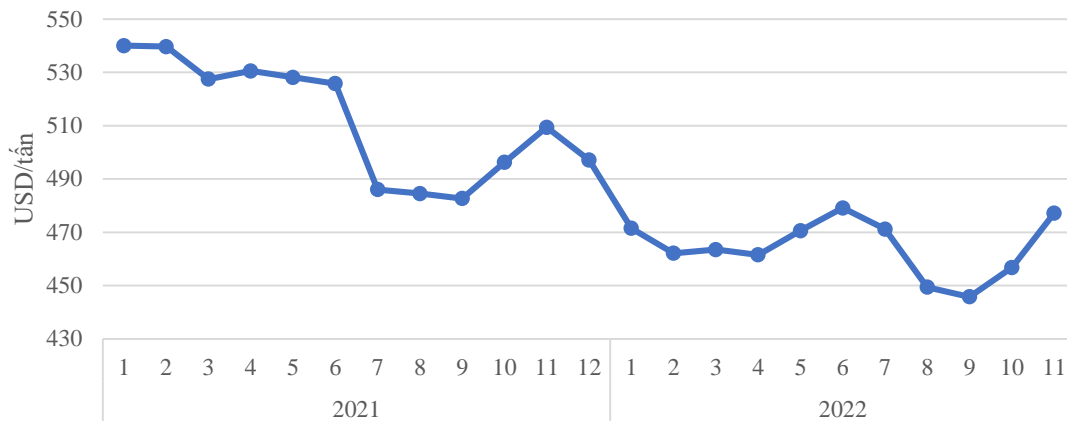
Hình 1. Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường ASEAN tháng 11/2022 đạt 477,2 USD/tấn, tăng 4,5% so với tháng trước nhưng giảm 6,3% so với cùng kỳ năm 2021.

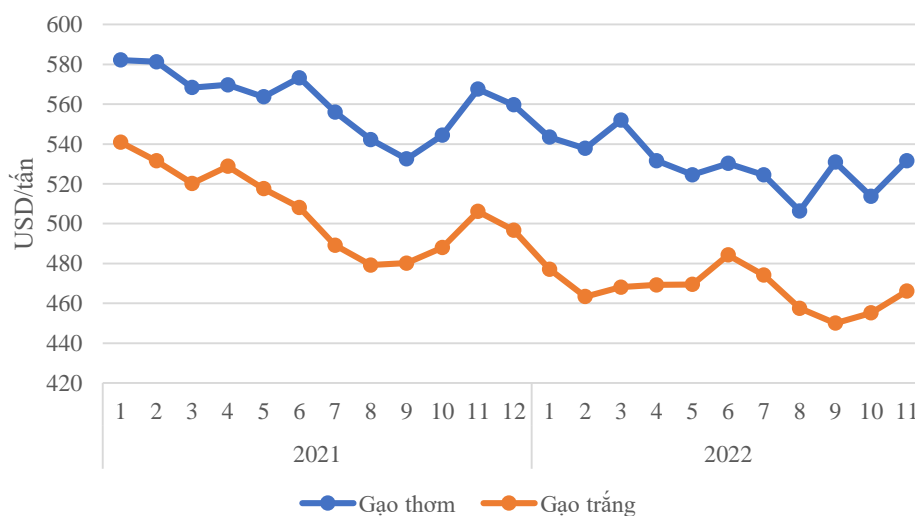
Hình 2. Giá gạo xuất khẩu trung bình sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 11/2022, gạo trắng là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang ASEAN đạt 197,6 nghìn tấn, trị giá 91,6 triệu USD, chiếm 64,6% về khối lượng và 62,7% về giá trị; so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo trắng sang ASEAN đã tăng 31,0% về khối lượng và 20,2% về giá trị. Giá gạo trắng tháng 11/2022 đạt trung bình 466,1 USD/tấn, tăng 2,4% so với tháng trước nhưng giảm 7,9% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3. Giá một số loại gạo xuất khẩu sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

2. RAU QUẢ

Tại Malaysia, thời tiết xấu và sản lượng giảm đã khiến giá rau tăng. Giá các loại rau dự kiến tăng từ 20% - 30% là cà chua, dưa chuột, ớt, đậu, ớt và một số loại rau ăn lá.

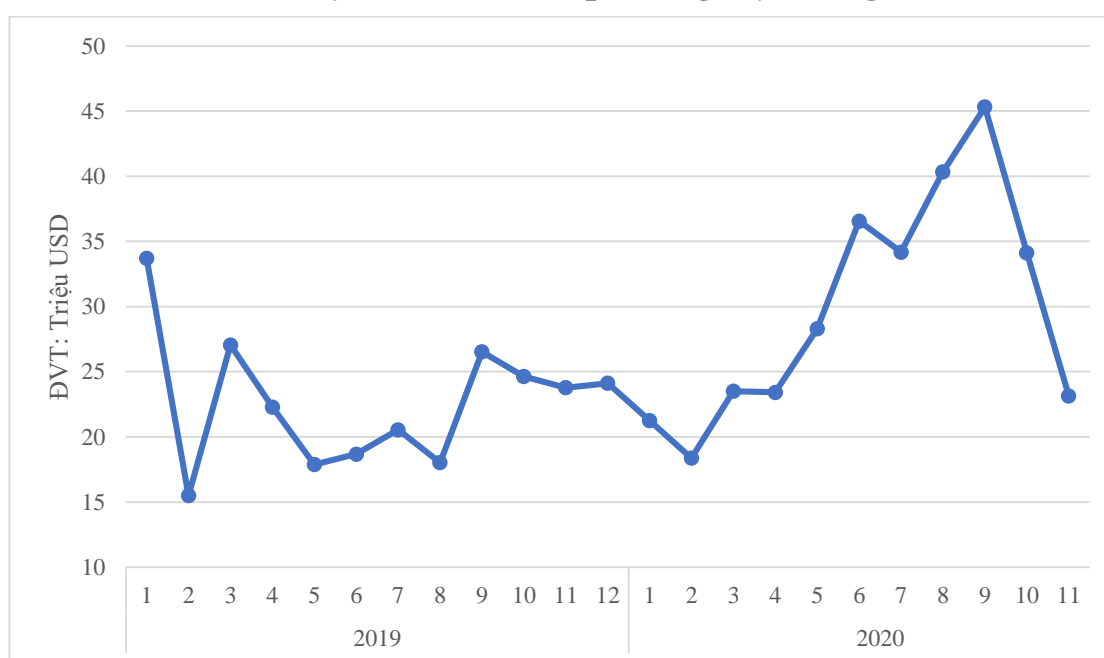
Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường ASEAN tháng 11 năm 2022 đạt 23,2 triệu USD, chiếm 7,6% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 32,2% so với tháng trước và giảm 2,6% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 11 tháng đầu năm 2022, giá

trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này đạt 328,5 triệu USD, chiếm 10,7% thị phần, tăng 32,1% so với cùng kỳ năm 2021.

Giá trị xuất khẩu sầu riêng tươi của Thái Lan sang Trung Quốc trong tháng 10/2022 đạt 271 triệu CNY (37,6 triệu USD) - mức thấp nhất từ tháng 10/2019, giảm 41,2% so với cùng kỳ năm ngoái.

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường ASEAN tháng 10 năm 2022 đạt 34,1 triệu USD, chiếm 11,0% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 24,7% so với tháng trước và tăng 38,5% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 10 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này đạt 305,4 triệu USD, chiếm 11,1% thị phần, tăng 35,8% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 4. Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường ASEAN



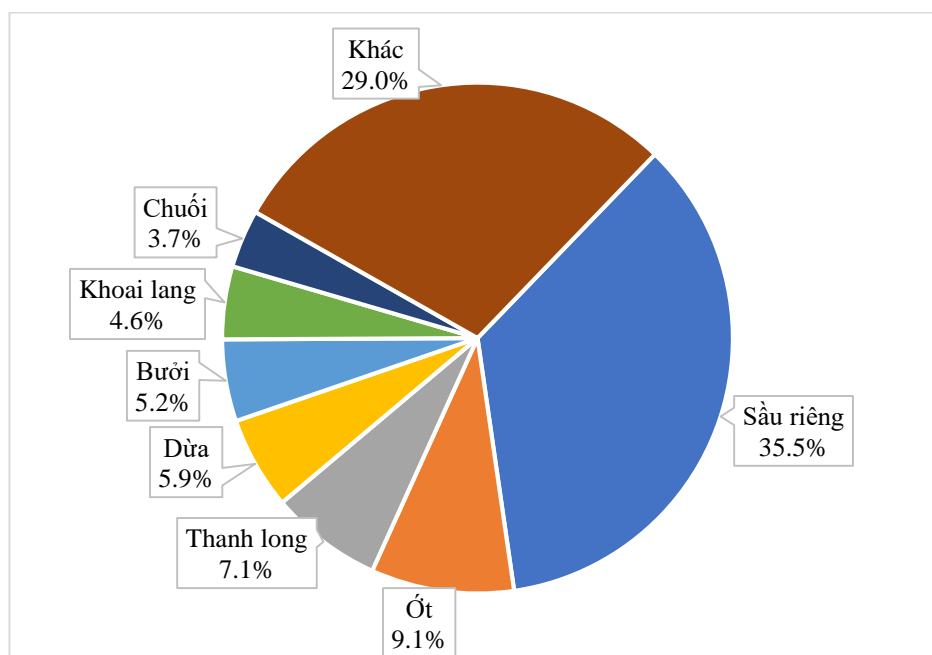
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang ASEAN tháng 11 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 18,9 triệu USD (chiếm 81,7% thị phần, giảm 4,2% so với cùng kỳ năm 2021) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 4,2 triệu USD (chiếm 18,3% thị phần), tăng 4,8%, trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (Mã HS: 2008) đạt 1,6 triệu USD, giảm 7,2% so với cùng kỳ năm trước; (ii) rau chế biến (không đông lạnh – Mã HS:2005) đạt 1,1 triệu USD, tăng 245,0%; (iii) nước ép, nước cốt trái cây (Mã HS: 2009) đạt 900,9 nghìn USD, giảm 41,2%; v.v.

Trong tháng 11 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang ASEAN nhiều nhất bao gồm: sầu riêng đạt 8,2 triệu USD (chiếm 35,5% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 16,4% so với cùng kỳ năm 2021; ớt đạt 2,1 triệu USD (chiếm 9,1%), giảm 7,5%; thanh long đạt 1,6 triệu USD (chiếm 7,1%), tăng 38,7%; dứa đạt 1,4 triệu

USD (chiếm 5,9%), giảm 72,6%; bưởi đạt 1,2 triệu USD (chiếm 5,2%), tăng 318,3%; v.v.

Hình 5. Cơ cấu rau quả chính xuất khẩu sang ASEAN tháng 11/2022



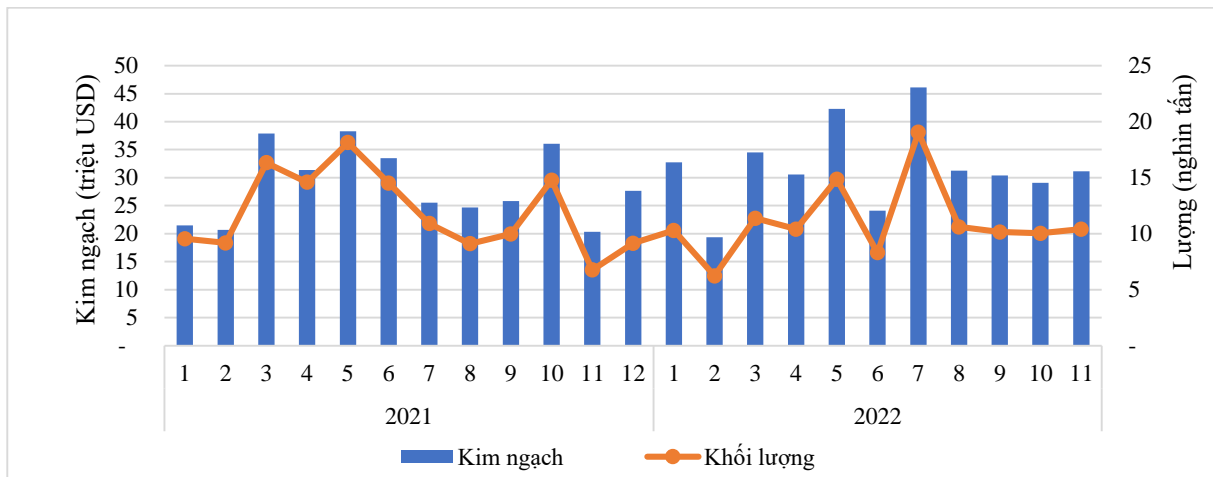
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam từ thị trường ASEAN tháng 11 năm 2022 đạt 18,8 triệu USD, chiếm 9,2% tổng giá trị nhập khẩu, giảm 38,4% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 11 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 245,1 triệu USD, chiếm 13,0% thị phần, tăng 9,3% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 11/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: đậu xanh đạt 7,8 triệu USD (chiếm 41,6%), giảm 35,2% so với cùng kỳ năm 2021; xoài đạt 2,6 triệu USD (chiếm 13,6%), tăng 4,4%; nhãn đạt 2,2 triệu USD (chiếm 11,6%), giảm 9,5%; v.v.

3. CÀ PHÊ

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường ASEAN tháng 11/2022 ước đạt 10,4 nghìn tấn với trị giá 31,1 triệu USD, tăng 3,7% về lượng và 7,0% về giá trị so với tháng trước, và tăng 53,8% về lượng và 53,3% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

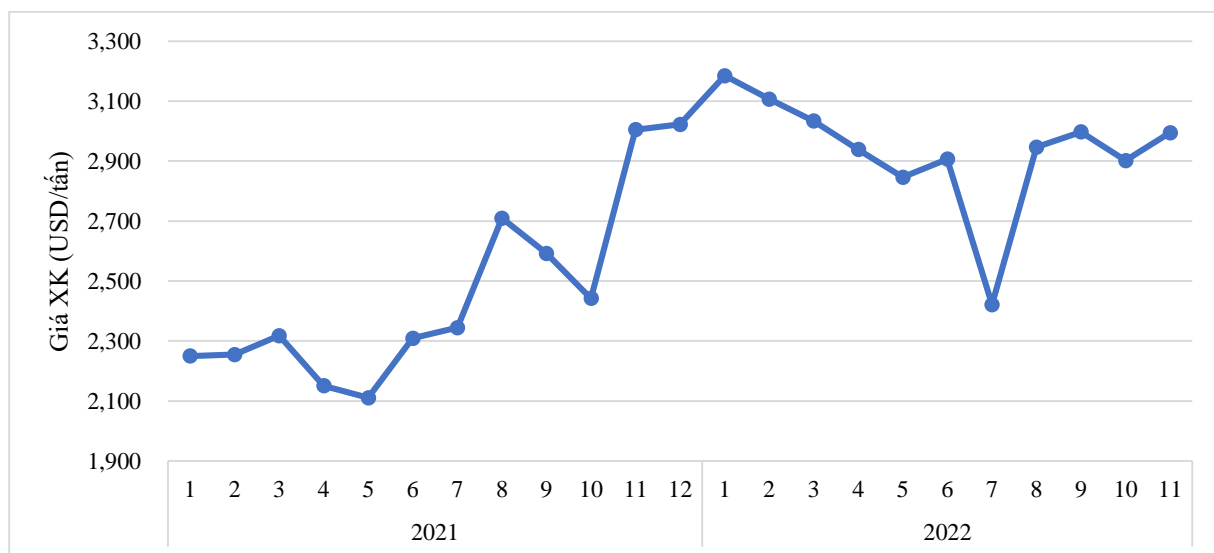
Hình 6. Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

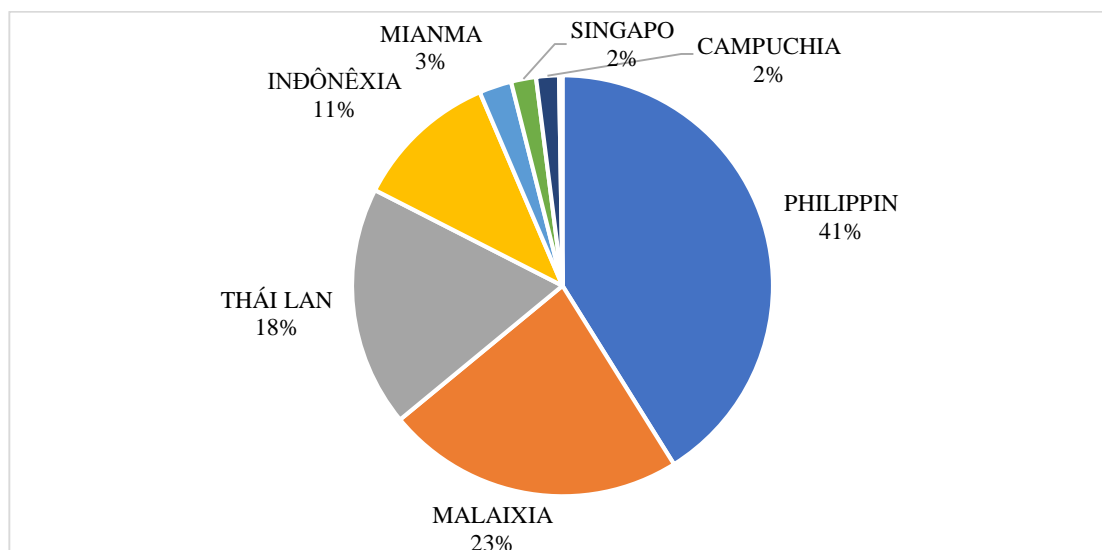
Giá xuất khẩu bình quân cà phê Việt Nam sang ASEAN tháng 11/2022 đạt 2.994 USD/tấn, tăng 3,2% so với tháng trước và giảm 0,3% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 7. Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường ASEAN



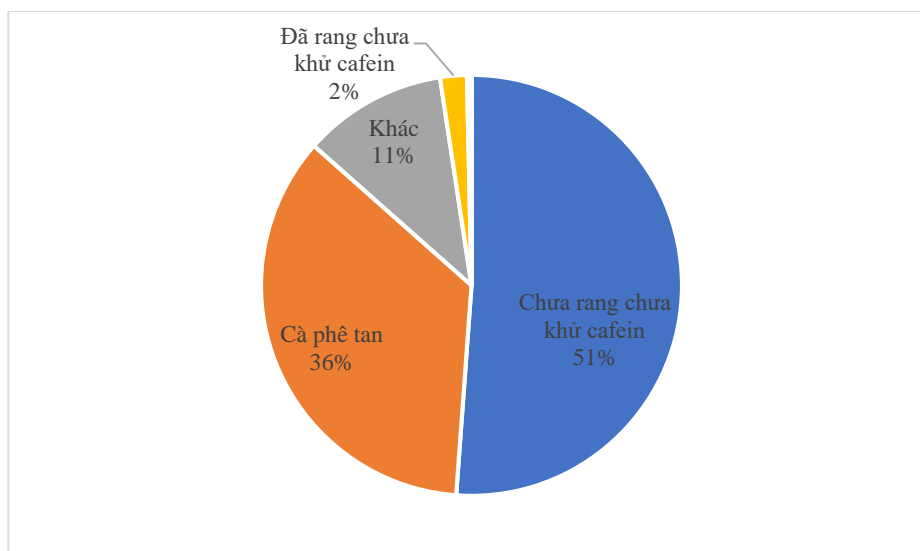
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 11/2022, Philippin là quốc gia nhập khẩu cà phê lớn nhất của Việt Nam với 12,8 triệu USD, chiếm 41,1% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường ASEAN. Malaysia là quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai với 7,1 triệu USD, chiếm 22,9%. Tiếp theo là Thái Lan, Indonesia và Myanmar chiếm lần lượt 18,5%, 11,1% và 2,5% trong tổng kim ngạch cà phê xuất khẩu sang thị trường ASEAN.

Hình 8. Cơ cấu xuất khẩu cà phê sang các quốc gia thị trường ASEAN

Nguồn: Tổng cục Hải Quan

Trong tháng 11/2022, cà phê chưa rang chưa khử cafein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường ASEAN đạt 16,0 triệu USD, chiếm 51,2% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê tan với kim ngạch 11,0 triệu USD, chiếm 35,4% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê đã rang chưa khử cafein chiếm 2,1% tổng giá trị xuất khẩu sang ASEAN.

Hình 9. Chứng loại cà phê xuất khẩu sang ASEAN theo kim ngạch tháng 11/2022

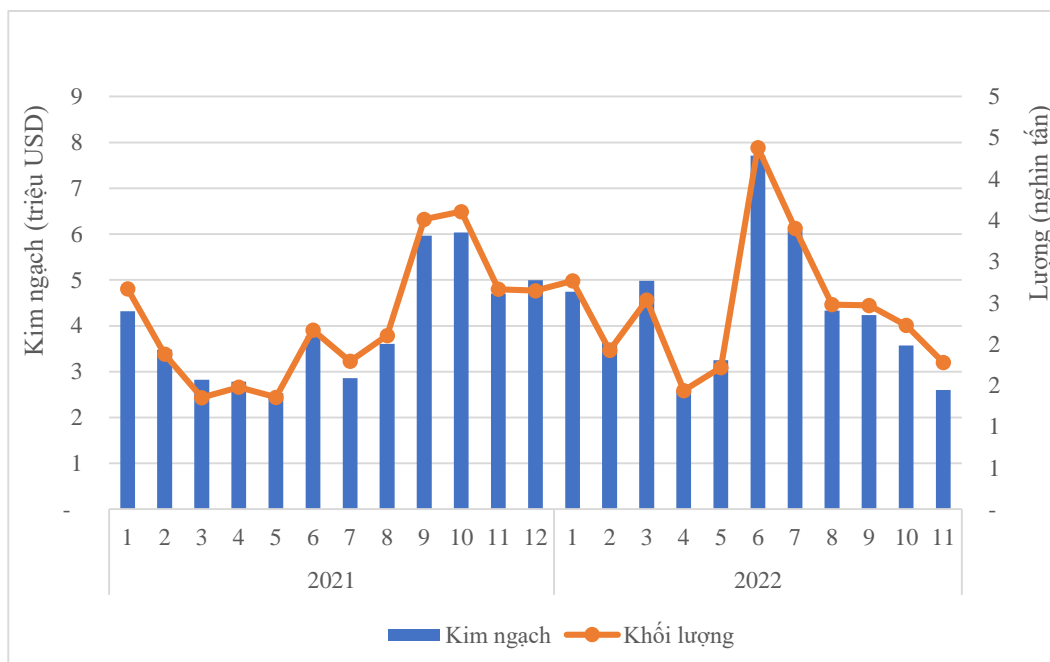
Nguồn: Tổng cục Hải quan

4. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 11/2022, xuất khẩu cao su sang các quốc gia ASEAN ước đạt 1,779 nghìn tấn với trị giá 2,6 triệu USD, giảm 20,12% về khối lượng và giảm 27,18% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ 2021, giảm 33,25% về khối

lượng và giảm 44,7% về giá trị. Cao su tự nhiên chiếm tỷ trọng 12,83% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường ASEAN.

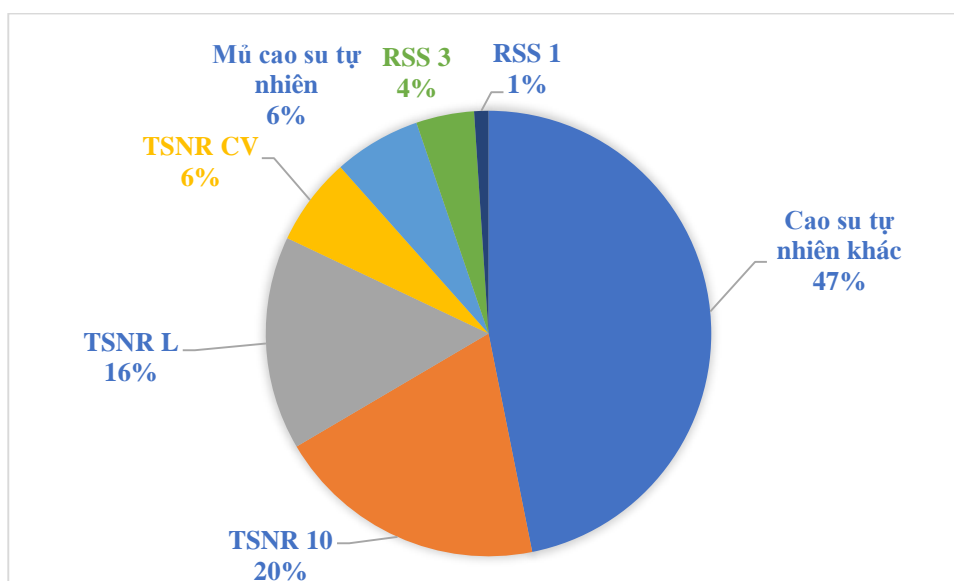
Hình 10. Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 11/2022, TRNR 10 là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có tỷ trọng xuất khẩu lớn nhất trong tổng kim ngạch xuất khẩu cao su tự nhiên sang các quốc gia ASEAN, chiếm 20%. Đứng thứ hai là TSNR L chiếm tỷ trọng 16%. Tiếp theo lần lượt là TSNR CV (6%), mủ cao su tự nhiên (6%), RSS 3 (3%), RSS 1 (1%).

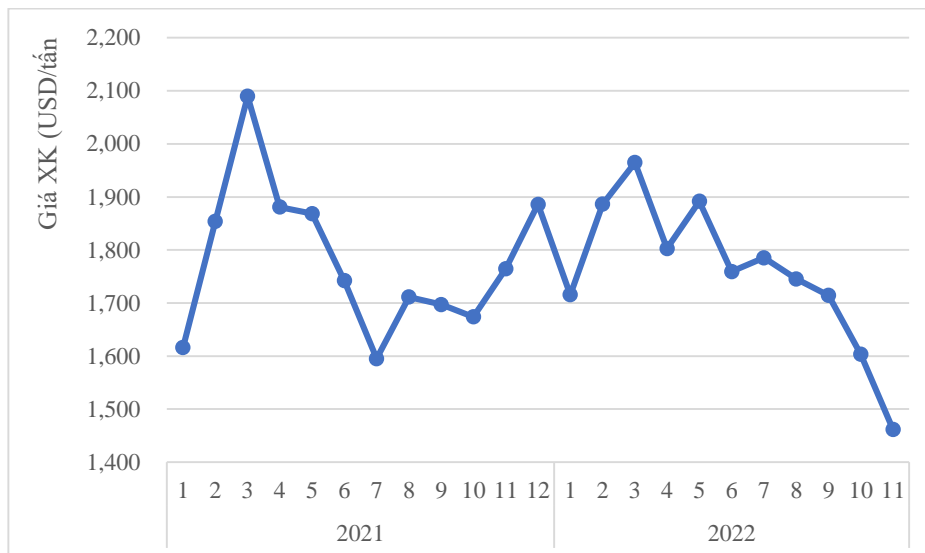
Hình 11. Chủng loại cao su tự nhiên (HS 4001) xuất khẩu sang ASEAN theo kim ngạch tháng 11/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 11/2022, bình quân giá cao su xuất khẩu sang các quốc gia ASEAN tiếp tục giảm xuống mức 1.462 USD/tấn, giảm 1,8% so với tháng trước và giảm 1% so với cùng kỳ 2021. Đây là mức giá cao su xuất khẩu bình quân thấp nhất trong vòng 2 năm qua sang thị trường này.

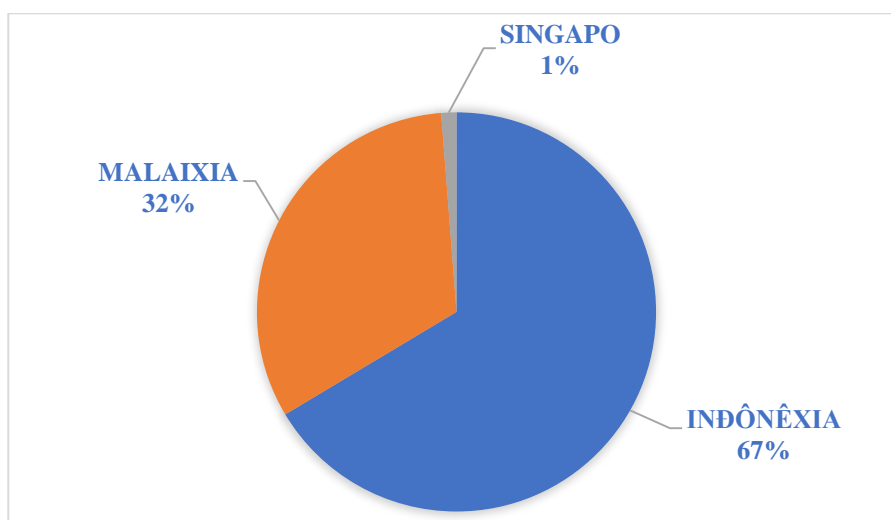
Hình 12. Giá cao su xuất khẩu sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong khối ASEAN, tháng 11/2022, Indonesia tiếp tục là quốc gia nhập khẩu cao su tự nhiên lớn nhất của Việt Nam với 1,727 triệu USD, chiếm 67% tổng kim ngạch xuất khẩu cao su của Việt Nam sang các quốc gia ASEAN. Malaysia là quốc gia nhập khẩu lớn thứ hai với 841,5 nghìn USD, chiếm 32%, cuối cùng là Singapo với 32 nghìn USD chiếm 1%. Nhìn chung, trong tháng 11/2022 kim ngạch xuất khẩu cao su tự nhiên của Việt Nam sang thị trường các nước trong khối ASEAN đều giảm so với tháng trước.

Hình 13. Xuất khẩu cao su sang một số thị trường chính trong thị trường ASEAN

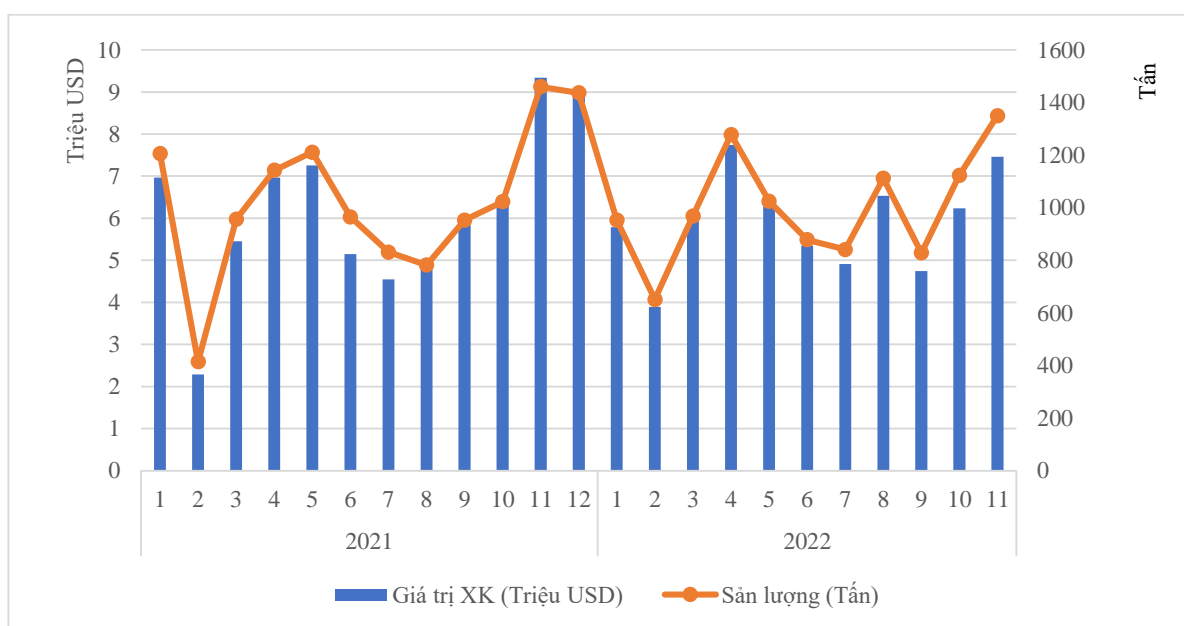


Nguồn: Tổng cục Hải quan

5. ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 11/2022, Việt Nam xuất khẩu được 1.350 tấn điều, trị giá 7,458 triệu USD sang thị trường ASEAN, tăng 20,2% về khối lượng và 19,6% về giá trị so với tháng trước; giảm 7,5% về khối lượng và giảm 20,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 11 tháng đầu năm 2022 đạt 11.008 tấn, trị giá 64,9 triệu USD, tăng 0,6% về khối lượng nhưng giảm 0,3% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

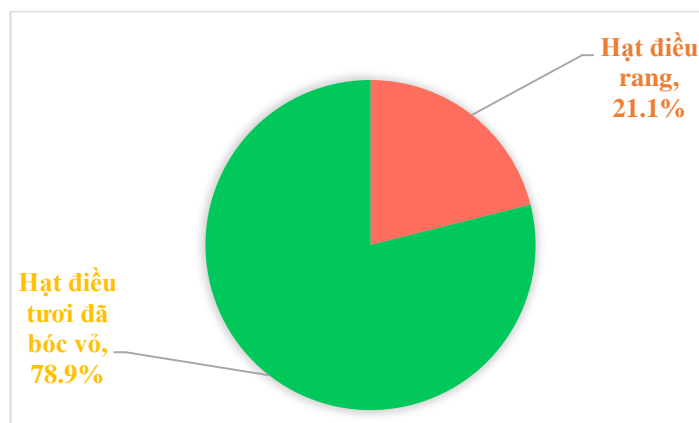
Hình 14. Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 11/2022, hạt điều tươi đã bóc vỏ chiếm tỷ trọng chính trong tổng giá trị xuất khẩu điều sang thị trường này (chiếm 94,1%), tăng 34,1% so với tháng trước và giảm 9,9% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp đến là hạt điều rang chiếm khoảng 5,9%.

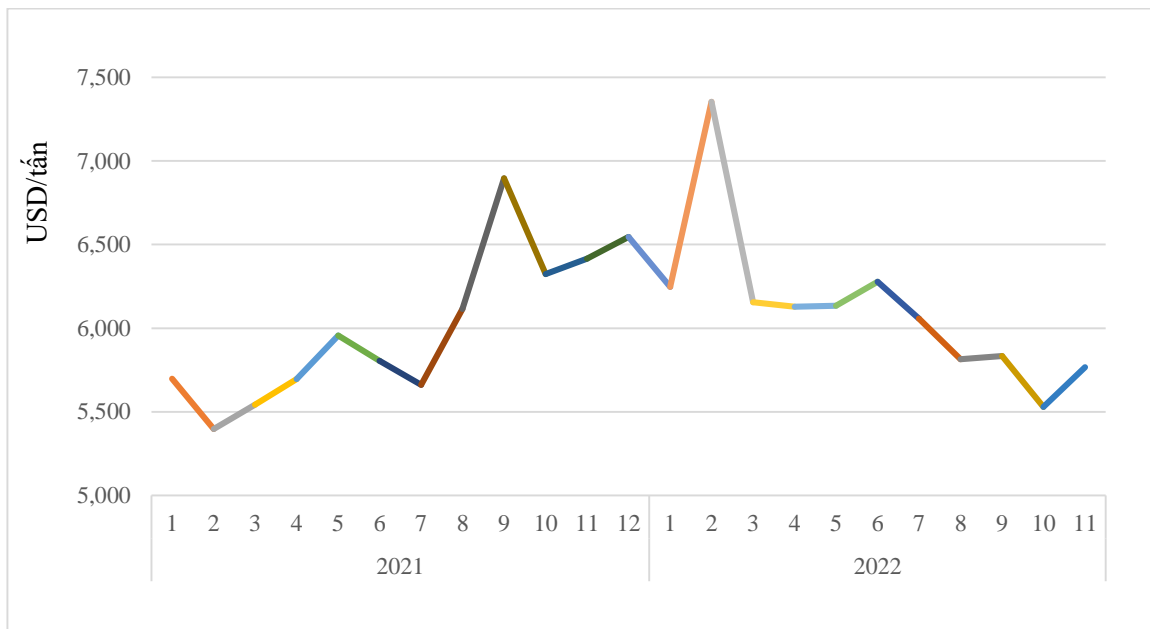
Hình 15. Cơ cấu xuất khẩu hạt điều xuất khẩu sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Bình quân giá xuất khẩu điều sang thị trường ASEAN đạt 5.766 USD/tấn, tăng 4,3% so với tháng trước và giảm 10,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Đối với điều tươi đã bóc vỏ, giá xuất khẩu bình quân sang thị trường này tháng 11/2022 đạt trung bình là 5.062 USD/tấn, tăng 0,031% so với tháng trước và giảm 14,5% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 16. Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường ASEAN

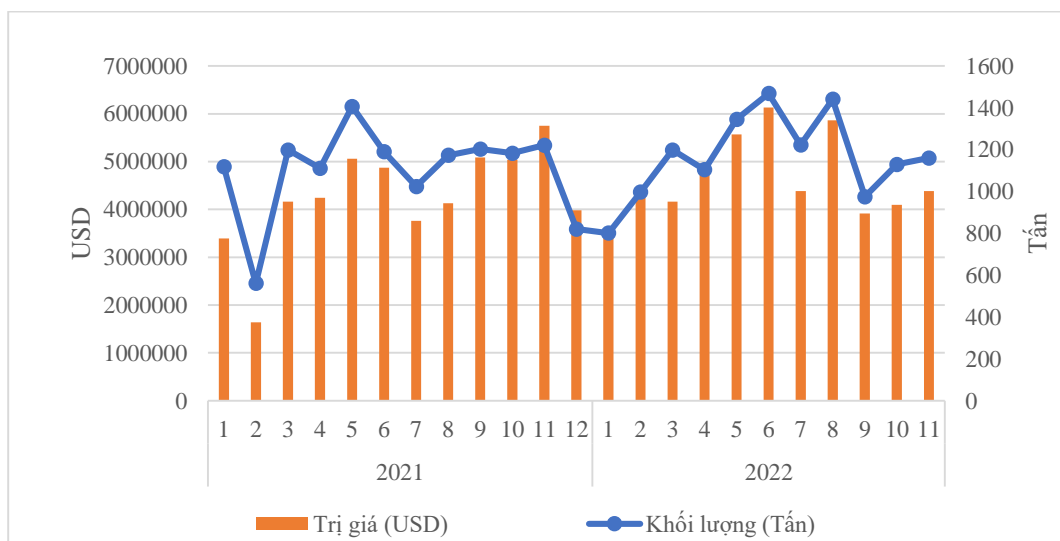


Nguồn: Tổng cục Hải quan

6. HỒ TIÊU

Theo số liệu công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang thị trường ASEAN trong tháng 11/2022 đạt 1.160 tấn hồ tiêu với trị giá 4,39 triệu USD, tăng 2,75% về khối lượng và tăng 7,1% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2021, giảm 5% về khối lượng và giảm 23,67% về giá trị.

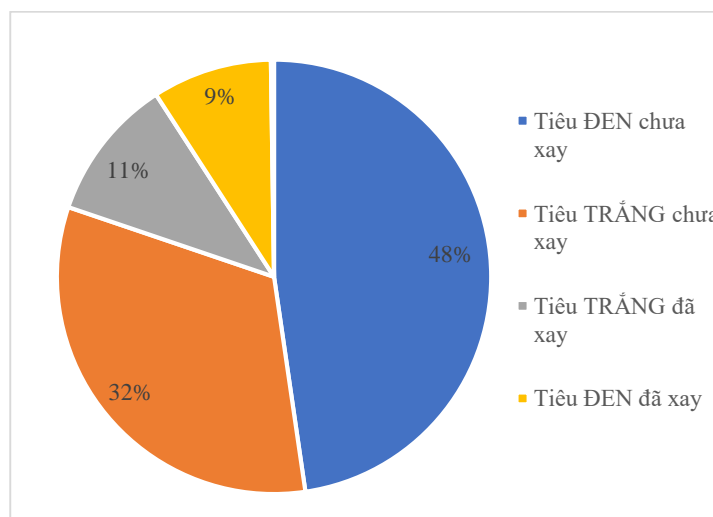
Hình 17. Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 11/2022, hạt tiêu chưa xay vẫn là sản phẩm xuất khẩu chiếm ưu thế tại thị trường ASEAN, trong đó, tiêu đen chưa xay chiếm tỷ trọng cao nhất tới 48% tổng giá trị xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang thị trường này, giảm 19% so với tháng trước và giảm 25% so với cùng kỳ năm 2021. Tiêu trắng chưa xay là sản phẩm chiếm tỷ trọng cao thứ hai với 32%, tăng 69% so với tháng trước và giảm 27,7% so với cùng kỳ năm 2021. Hạt tiêu đã xay chiếm 11% là tiêu trắng và tiêu đen là 9% trong tổng giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường này.

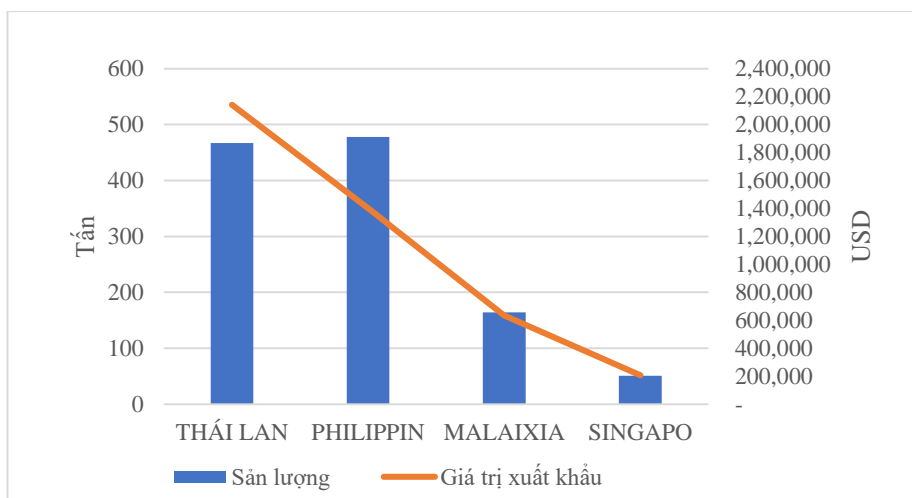
Hình 18. Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường ASEAN tháng 11/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tháng 11/2022, Thái Lan là thị trường dẫn đầu về kim ngạch nhập khẩu hồ tiêu của Việt Nam trong khối ASEAN đạt 2,142 triệu đô với 467 tấn, chiếm 48,84%. Đứng thứ 2 là Philippin với 478 tấn, đạt 1,402 triệu USD (chiếm 31,97%). Tiếp theo là Malaysia và Singapo đạt lần lượt là 635,357 nghìn USD và 206,5 nghìn USD (chiếm lần lượt 14,49% và 4,71%).

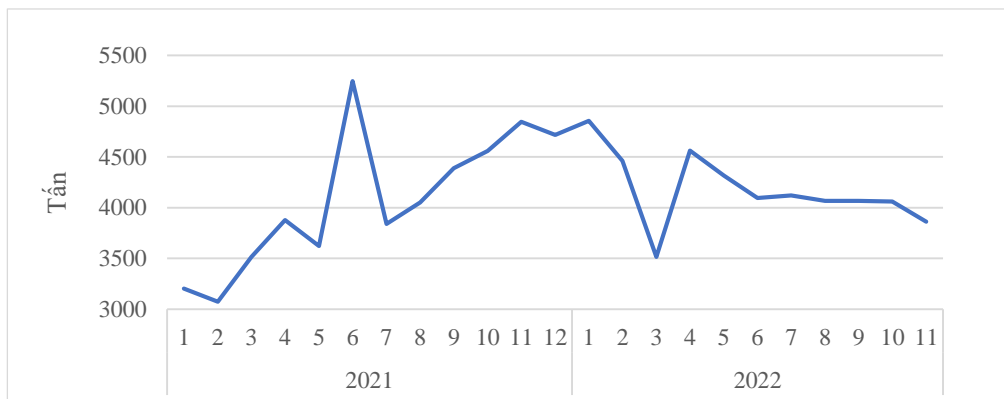
Hình 19. Kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam thị trường ASEAN tháng 11/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá hồ tiêu xuất khẩu vào ASEAN trong tháng 11/2022 tiếp tục giảm với 3.861 USD/tấn, giảm 5% so với tháng trước và 20,3% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 20. Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường ASEAN



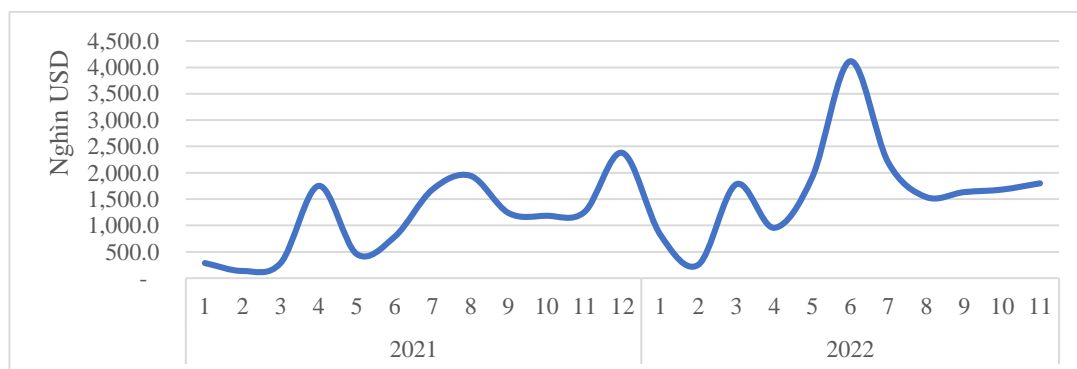
Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

7. THỊT VÀ SP TỪ THỊT

Theo Business Mirror, nhập khẩu thịt heo của Philippines ước tăng 20% trong năm nay vì dịch bệnh ở động vật, như dịch ASF, tiếp tục đe dọa sản lượng heo trong nước. Theo đó, lượng thịt heo nhập khẩu của Philippines sẽ đạt 394.000 tấn trong năm 2022, tăng 18% so với ước tính 332.000 tấn được mua vào năm 2021. Philippines cần mua thịt heo từ nước ngoài vì dự báo của FAO cho thấy sản lượng nội địa năm nay sẽ không đủ để đáp ứng nhu cầu thịt heo trong nước. Theo FAO, sản lượng thịt heo của nước này có thể giảm 4% xuống còn 1,139 triệu tấn trong năm 2022 và sẽ không đáp ứng được nhu cầu thịt heo dự kiến trong nước là 1,531 triệu tấn.

Trong tháng 11/2022, tổng giá trị xuất khẩu sản phẩm thịt của Việt Nam sang các nước khu vực ASEAN vẫn tiếp tục đà tăng từ tháng trước đạt 1,8 triệu USD, tăng 7,1% so với tháng trước và tăng 43,5% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 21. Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường ASEAN



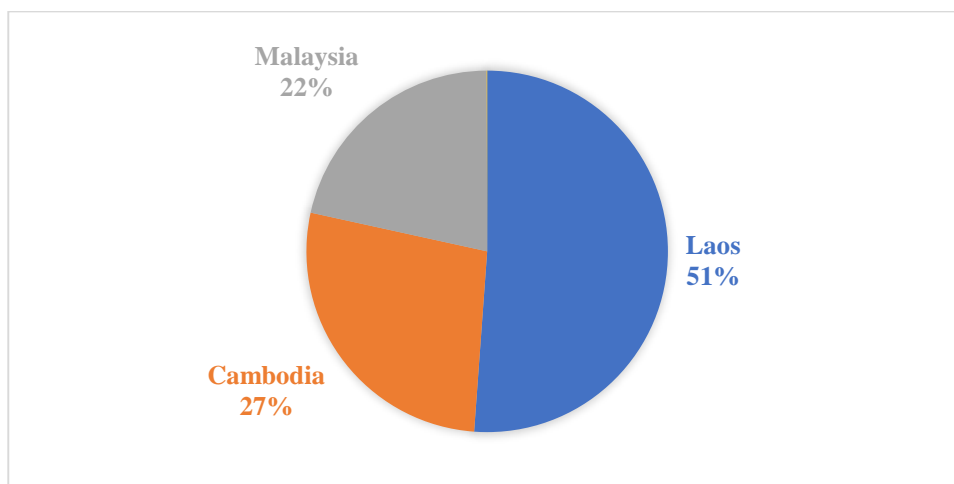
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Thịt lợn, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh là mặt hàng xuất khẩu chính sang thị trường này trong tháng 11/2022 đạt 391,2 nghìn USD, chiếm 21,7% tổng giá trị xuất

khẩu, giảm 25% so với cùng kỳ năm trước; thịt trâu, bò đông lạnh đạt 390,78 nghìn USD, chiếm 21,7%, tăng 543,5%; thịt và phụ phẩm giết mổ từ gia cầm chiếm 22,6% và tăng 8,6%

Trong tháng 11/2022, Lào là thị trường xuất khẩu lớn nhất trong khu vực của Việt Nam đạt 917,17 nghìn USD, chiếm 51,2% tổng giá trị xuất khẩu; tiếp đến là Campuchia đạt 489,29 nghìn USD chiếm 27,3%.

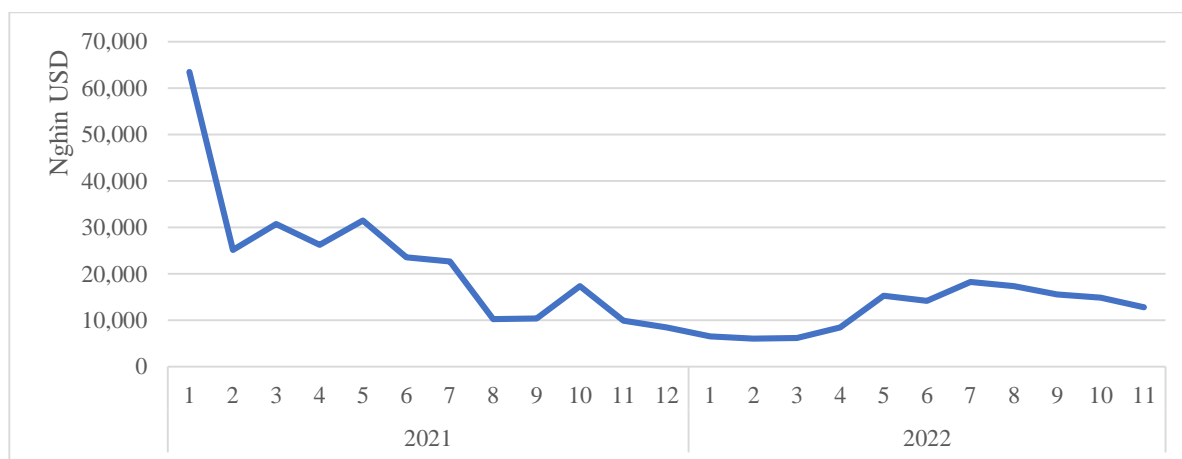
Hình 22. Cơ cấu giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm chăn nuôi sang các nước ASEAN tháng 11/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về tình hình nhập khẩu, trong tháng 11/2022, Việt Nam nhập khẩu khoảng 12,8 triệu USD sản phẩm thịt và động vật sống từ các nước ASEAN, giảm 13,7% so với tháng trước và tăng 29% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm nhập khẩu nhiều nhất trong tháng 11/2022 vẫn là trâu bò sống chiếm tới 85,9% đạt 11 triệu USD, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm trước; gia cầm sống chiếm 14%, đạt 2,01 triệu USD.

Hình 23. Giá trị nhập khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam từ thị trường ASEAN



Nguồn: Tổng cục Hải quan

FAO cho biết Nhập khẩu thịt heo của Philippines trong năm nay có thể tăng 2,71% so với cùng kỳ năm ngoái lên mức kỷ lục 341.000 tấn để giải quyết sự thiếu hụt nguồn cung trong nước do dịch ASF gây ra, FAO cho biết trong một báo cáo triển vọng nửa năm. Bên cạnh đó, lượng heo địa phương của nước này sẽ tăng nhẹ trong năm nay lên 1,192 triệu tấn so với mức 1,118 triệu tấn của năm ngoái. Tổng lượng heo cho giết mổ ước tăng nhẹ lên 1.531 tấn so với 1.518 tấn của năm 2021.

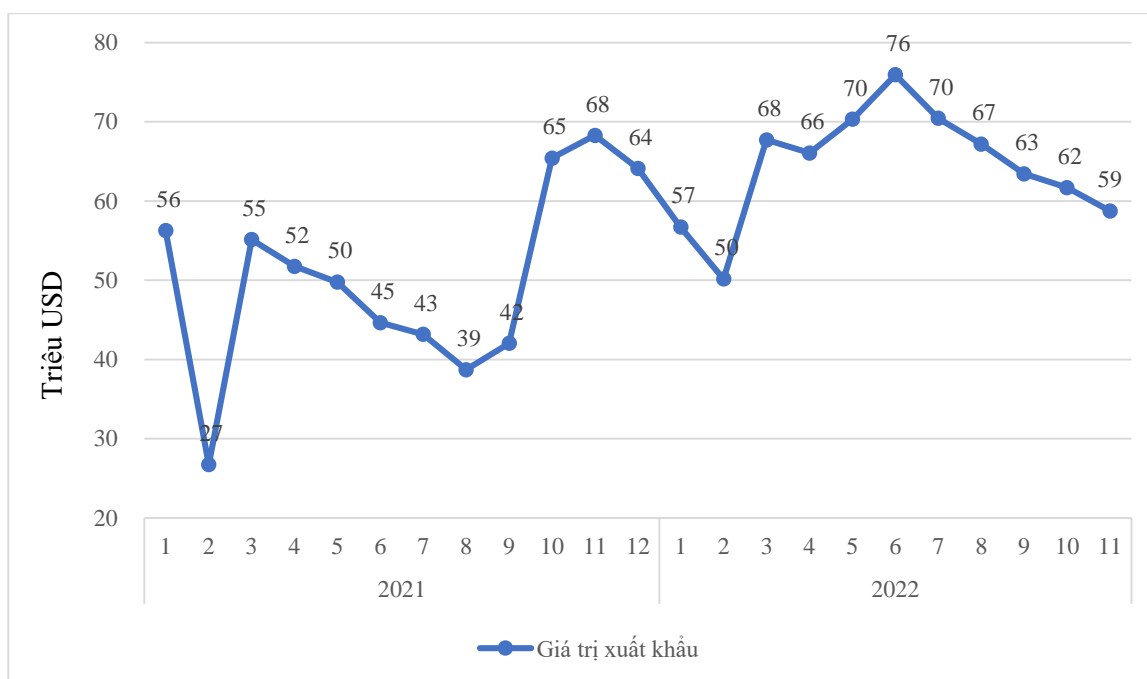
8. THỦY SẢN

Theo Ekapoj Yodpinit, Chủ tịch Hiệp hội Tôm Thái Lan, xuất khẩu tôm Thái Lan từ tháng 1 đến tháng 10 năm nay đạt 122.208 tấn - giảm 5% so với 128.758 tấn trong cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, giá trị xuất khẩu tăng 9% so với cùng kỳ lên 42,8 tỷ THB (1,23 tỷ USD). Các thị trường xuất khẩu chính bao gồm châu Á, đặc biệt là Trung Quốc và Nhật Bản, Mỹ, EU và Úc.

Theo Tổng cục Hải quan, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường ASEAN tháng 11/2022 đạt 58,75 triệu, giảm 14% so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 7,4% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Tính hết 11 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt 708,4 triệu USD, tăng 30,7% so với cùng kỳ năm trước.

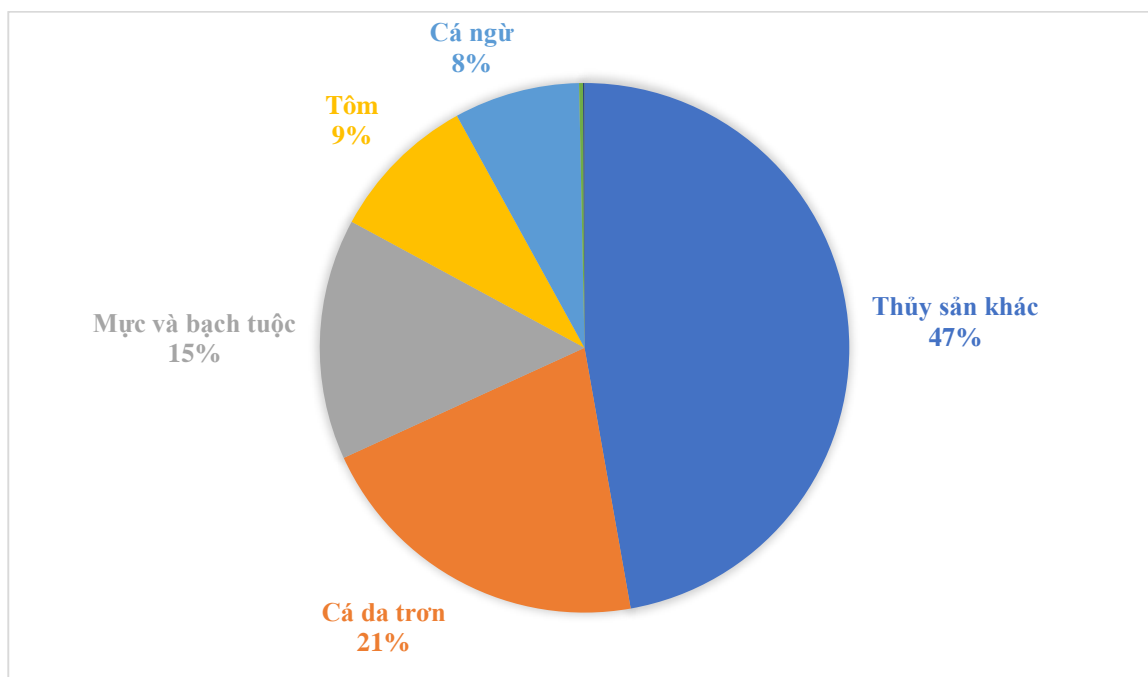
Hình 24. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường ASEAN 2021-2022

(ĐVT: Triệu USD)



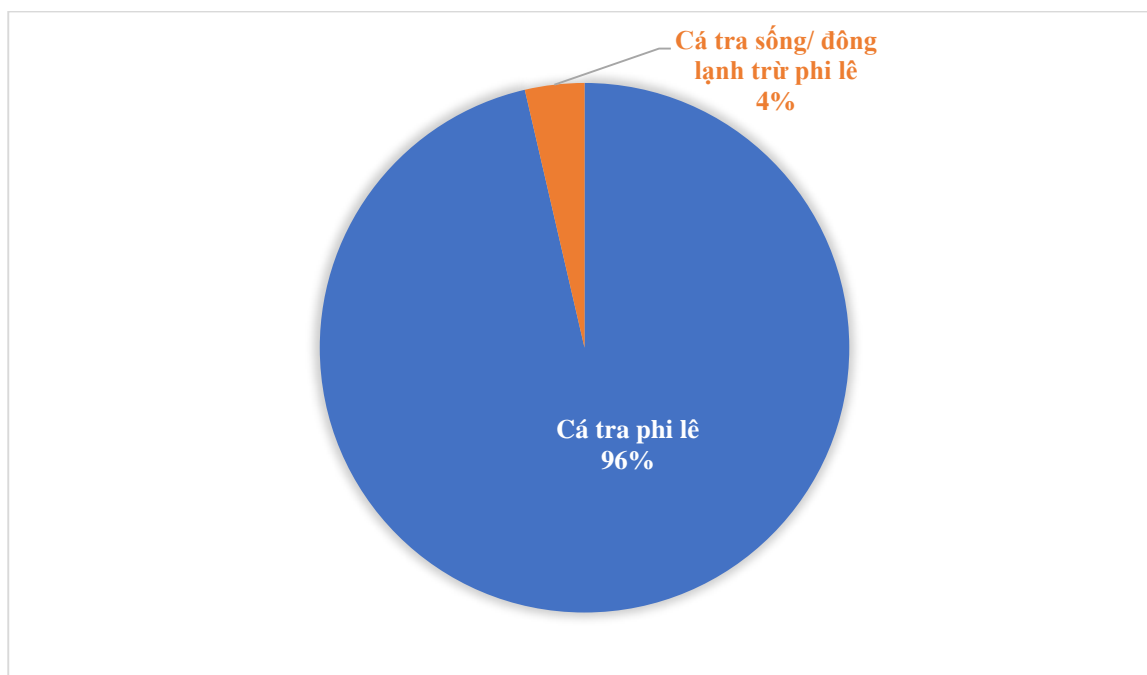
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cá da trơn là mặt hàng thủy sản tiêu thụ chính tại thị trường này trong tháng 11/2022, chiếm 21% giá trị xuất khẩu; mực và bạch tuộc chiếm 14,7%; tôm chiếm 9,1%.

Hình 25. Cơ cấu mặt hàng thủy sản xuất khẩu sang ASEAN tháng 11/2022

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

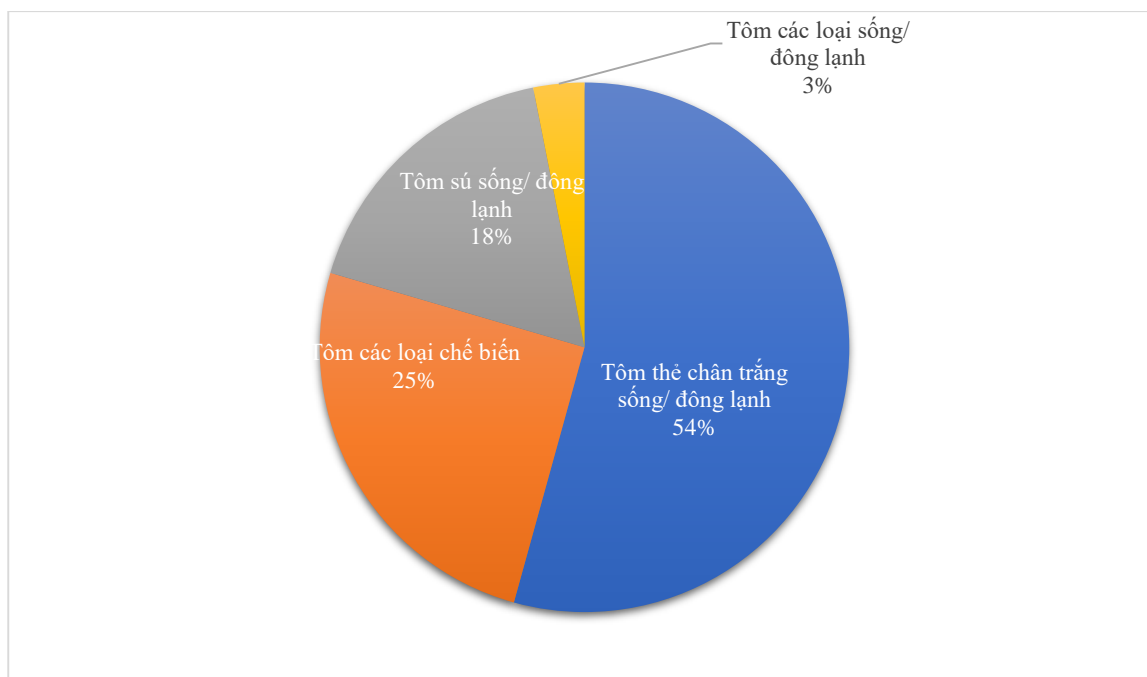
Tháng 11/2022, giá trị xuất khẩu cá da trơn sang thị trường này đạt 12,3 triệu USD, giảm 9,3% so với cùng kỳ năm trước, và 10,2% so với tháng 10/2022. Trong đó, giá trị xuất khẩu cá tra phi lê đạt 11,8 triệu USD, chiếm 95,7%, giảm 10,2% so với cùng kỳ năm trước; cá tra sống/đông lạnh trừ phi lê đạt 0,5 triệu USD, chiếm 4,3%, tăng 24,9%.

Hình 26. Cơ cấu cá tra xuất khẩu sang thị trường ASEAN tháng 11/2022

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tháng 11/2022, giá trị xuất khẩu tôm sang thị trường này đạt 5,3 triệu USD. Trong đó, tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 2,9 triệu USD, chiếm 53,3% tổng giá trị sản phẩm tôm, tăng 28,4% so với cùng kỳ năm trước; tôm chế biến đạt 1,3 triệu USD, chiếm 24,7%, tăng 84,2%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 0,9 triệu USD, chiếm 17%, tăng 22%; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,2 triệu, chiếm 3,1 %, giảm 47,1%.

Hình 27. Cơ cấu sản phẩm tôm xuất khẩu sang thị trường ASEAN tháng 11/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Một số sản phẩm thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường ASEAN tháng 11/2022 như sau: mực và bạch tuộc đạt 8,6 triệu USD, chiếm 14,7% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này, giảm 10,8% so với cùng kỳ năm 2021; cá ngừ đạt 4,5 triệu USD, chiếm 7,7%, tăng 7,7%; cá rô phi đạt 0,1 triệu USD, chiếm 0,1%, giảm 80,1%; cua ghe đạt 0,1 triệu USD, chiếm 0,1%, giảm 23,3%; thủy sản khác đạt 27,7 triệu USD, chiếm 47,2% và giảm 24,9%.

Giá xuất khẩu cá da trơn bình quân tháng 11/2022 sang thị trường này đạt 1,9 USD/kg, tăng 2,3% so với cùng kỳ năm 2021; tôm đạt 7,4 USD/kg, tăng 27,1%; cá rô phi đạt 1,4 USD/kg, giảm 32,1%.

Bảng 1. Giá xuất khẩu một số sản phẩm thủy sản sang thị trường ASEAN tháng 11/2022

TT	Sản phẩm	Giá (USD/kg)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	1,9	2,3%	-2,2%
2	Cá rô phi	1,4	-32,1%	-22,9%
3	Cua, ghẹ	5,8	3,6%	13,1%
4	Mực và bạch tuộc	9,0	6,4%	-4,7%
5	Tôm	7,4	27,1%	-3,1%

Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Lúa gạo

Indonesia: Khoảng 200 nghìn tấn trên 500 nghìn tấn gạo mà Indonesia kỳ vọng sẽ nhập khẩu từ nay cho đến hết tháng 2/2023 đã cập cảng nước này. Chính phủ nước này cho rằng việc nhập khẩu nhiều gạo sẽ giúp điều tiết giá thị trường ổn định hơn, tránh lạm phát giá lương thực gây ảnh hưởng đến đời sống người dân. Nhập khẩu nhiều gạo cũng giúp người dân Indonesia đa dạng sự lựa chọn loại gạo cho bữa ăn của mình. Tuy nhiên, một số chính trị gia nước này đang quan ngại việc nhập khẩu gạo sẽ gây ảnh hưởng đến người nông dân trồng lúa và họ đang kêu gọi chính phủ Indonesia xem xét lại quyết định mua 500 nghìn tấn gạo này của mình.

Thái Lan: Theo Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo Thái Lan (TREA), dự báo lượng xuất khẩu của Thái Lan trong năm 2022 sẽ đạt 7,5 triệu tấn nhờ nhu cầu tăng mạnh trong dịp Giáng sinh, Năm mới và Tết Nguyên đán. Hiện nay, Hiệp hội đang ghi nhận nhu cầu hiện đang tăng từ I rắc, Nam Phi, Mỹ, Trung Quốc, Benin, Nhật Bản, Senegal, Angola, Yemen, Philipin, Mozambique, Hồng Kông và Canada.

2. Rau quả

Theo đại diện Thương vụ Việt Nam tại Malaysia chia sẻ tại phiên tư vấn xuất khẩu sang thị trường RCEP do Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương) phối hợp với các Thương vụ Việt Nam tại các thị trường thành viên Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) tổ chức ngày 8/6/2022, Malaysia đã gỡ lệnh cấm nhập khẩu ớt Việt Nam từ tháng 4-2021. Tuy nhiên, nếu muốn nhập khẩu vào Malaysia thì trái ớt của Việt Nam phải được Bộ Nông nghiệp và PTNT xác nhận các khu canh tác ớt riêng, đủ đáp ứng yêu cầu. Hiện nay, nhu cầu tiêu dùng ớt tại Malaysia và Trung Quốc rất lớn. Các đơn đặt hàng, nhu cầu tiêu thụ đặc biệt sản phẩm ớt đến Thương vụ nhiều nhưng chưa tìm được nguồn cung tại Việt Nam đáp ứng đủ yêu cầu của Malaysia. Do đó các doanh nghiệp và người trồng ớt nên liên hệ với Bộ NN&PTNT để triển khai sớm.

3. Cao su

Tập đoàn ISRG của Singapore đã dự báo nhu cầu sử dụng cao su trên toàn thế giới sẽ tăng trưởng đều đặn 2,4% mỗi năm trong giai đoạn 2023-2031, tăng mạnh so với mức tăng trưởng 1,8% trong năm 2022. Đây là cơ hội rất tốt cho xuất khẩu cao su của Việt Nam, trong bối cảnh nhu cầu nhập khẩu từ Mỹ và Trung Quốc sẽ tăng lên trong thời gian tới

PHỤ LỤC

Bảng 2. Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang ASEAN tháng 11/2022

Sản phẩm	Tháng 11/ 2022 (USD)	Tăng /giảm so T10/2022	Tăng /giảm so T11/2021	Tỷ trọng
Cà phê	31.136.306	6,98%	53,32%	31.136.306
Cao su	2.600.610	-27,18%	-44,69%	2.600.610
Chè	1.049.689	-31,69%	30,88%	1.049.689
Gạo	142.938.784	-11,69%	14,70%	142.938.784
Gỗ và sản phẩm gỗ	23.794.171	10,20%	-16,41%	23.794.171
Hàng rau quả	22.002.638	-33,87%	-2,86%	22.002.638
Hàng thủy sản	58.220.655	-5,05%	-14,39%	58.220.655
Hạt điều	7.457.852	19,64%	-20,12%	7.457.852
Hạt tiêu	4.386.072	7,10%	-23,67%	4.386.072
Phân bón các loại	19.337.471	-30,25%	-34,86%	19.337.471
Sản phẩm từ cao su	6.128.891	16,86%	-0,40%	6.128.891
Sắn và các sản phẩm từ sắn	1.512.149	-41,00%	268,57%	1.512.149
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	29.686.480	-12,77%	-46,51%	29.686.480
Tổng	350.251.768	-10,69%	-6,94%	350.251.768

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang ASEAN tháng 11/2022

T	Loại sản T phẩm	Tháng 11/2021		Tháng 11/2022		So sánh 2022/2021(%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo trắng	150.911	76.173.994	197.634	91.555.676	31,0%	20,2%
2	Gạo thơm	80.546	42.331.306	80.265	38.041.961	-0,3%	-10,1%
3	Các loại gạo khác	28.542	13.936.459	27.900	16.316.999	-2,2%	17,1%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng rau quả sang ASEAN tháng 11/2022

Sản phẩm	Tháng 10/2021	Tháng 10/2022	So sánh 2022/2021
	(USD)	(USD)	
Tổng giá trị XK	23.781.989	23.151.939	-2,6%
Sầu riêng	7.060.245	8.215.020	16,4%
Ớt	2.267.665	2.097.599	-7,5%
Thanh long	1.185.265	1.643.936	38,7%
Dừa	4.963.274	1.359.213	-72,6%
Bưởi	286.853	1.200.025	318,3%
Khoai lang	1.672.728	1.068.447	-36,1%
Chuối	393.328	852.050	116,6%
Khác	5.952.630	6.715.649	12,8%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5. Giá trị xuất khẩu cà phê sang ASEAN tháng 11/2022

Mặt hàng	T11/2021 (USD)	T11/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Chưa rang chưa khử cafein	7.399.239	15.955.446	115,64%
Cà phê tan	10.497.385	11.032.875	5,10%
Khác	1.997.072	3.449.993	72,75%
Đã rang chưa khử cafein	379.065	640.156	68,88%
Chưa rang đã khử cafein	15.912	105.285	561,67%
Đã rang đã khử cafein	16.171	2.052	-87,31%
Tổng	20.304.843	31.185.808	53,59%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6. Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường ASEAN tháng 11/2022

Loại sản phẩm	Tháng 11/2022 (USD)	Tháng 11/2021 (USD)	So sánh 2022/21(%)
Cá da trơn	13.724.781,4	10.403.054,1	31,9%
Cá nưừ	3.704.885,3	3.985.672,3	-7,0%
Cá rô phi	135.479,9	293.878,8	-53,9%
Cua, ghe	202.324,1	370.257,0	-45,4%
Mực và bạch tuộc	8.390.710,2	7.343.943,5	14,3%
Tôm	6.622.850,0	4.050.281,3	63,5%
Thủy sản khác	28.913.207,0	38.974.582,0	-25,8%
Tổng	61.694.237,9	65.421.669,0	-5,7%

Nguồn: Tổng cục Hải quan